

Số *
-BC/ĐU

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ thời gian qua; phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trong thời gian tới

Thực hiện nội dung Giấy mời số 99-GM/TU ngày 03/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tổ chức làm việc với Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh để nghe báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thời gian qua; phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trong thời gian tới, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. Về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại; thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu năm 2026 và kịch bản tăng trưởng hai con số

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 18/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị năm 2026 và Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh đã lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 19/01/2026 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, trong đó, xác định các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình triển khai thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

Trong quý I năm 2026, các cấp, các ngành đã tập trung triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 đã được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, qua đó, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục ổn định, phát triển và đạt được nhiều kết quả trên hầu hết các lĩnh vực, cụ thể như sau:

1. Kết quả đạt được

1.1. Lĩnh vực kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn quý I năm 2026 (theo giá so sánh 2020) ước đạt 35.832,6 tỷ đồng¹, tăng 8,24% so với cùng kỳ năm 2025 (cao hơn mức tăng trưởng GDP của cả nước là 7,83%); trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt

¹ Thời điểm xây dựng Kế hoạch tăng trưởng năm 2026, GRDP được tính theo giá so sánh 2010. Tuy nhiên, theo số liệu công bố của Cục Thống kê tại Công văn số 760/CTK-TKQG ngày 01/4/2026 thì kết quả GRDP quý I năm 2026 được tính theo giá so sánh 2020.

4.976,1 tỷ đồng, tăng 2,98%, đóng góp 0,43 điểm phần trăm vào mức tăng chung GRDP; khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 14.109,8 tỷ đồng, tăng 9,64%, đóng góp 3,75 điểm phần trăm (*trong đó công nghiệp đạt 12.406,1 tỷ đồng, tăng 12,76%, đóng góp 4,24 điểm phần trăm*); khu vực dịch vụ đạt 11.492,4 tỷ đồng, tăng 7,49%, đóng góp 2,42 điểm phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 5.254,3 tỷ đồng, tăng 11,51%, đóng góp 1,64 điểm phần trăm.

a) Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) quý I năm 2026 tăng 9,13% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,86%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 5,26%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 0,24%; khai khoáng giảm 7,05%. Hoạt động sản xuất công nghiệp quý I ước đạt nhiều kết quả khả quan, đa số các sản phẩm công nghiệp đều tăng so với cùng kỳ².

b) Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn

- Nông nghiệp:

+ Về trồng trọt: Diện tích lúa đông xuân gieo sạ đạt 45.536,1 ha, tăng 0,12% so với cùng kỳ năm trước; ngô 5.255,2 ha, giảm 0,74%; khoai lang 160,2 ha, tăng 0,36%; lạc 4.747,3 ha, giảm 0,46%; đậu tương 11,4 ha, giảm 16,79% ; rau các loại 7.883,2 ha, giảm 0,63%; đậu các loại 1.397,5 ha, tăng 2,29%.

+ Về chăn nuôi: Ước tính quý I năm 2026, thịt trâu có 1.670 tấn, tăng 14,53% so với quý I năm 2025; thịt bò có 8.163,1 tấn, giảm 0,64%; thịt lợn có 21.597,2 tấn, tăng 14,83%. Nhìn chung dịch bệnh trên đàn vật nuôi được các địa phương trên địa bàn tỉnh cùng với các cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh kiểm soát tốt³.

- Lâm nghiệp: Trong quý I năm 2026, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 6.367,3 ha, tăng 4,95% so với cùng kỳ; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 562.588,1 m³, tăng 1,93%.

- Thủy sản: Trong quý I năm 2026, sản lượng thủy sản đạt 70.551,3 tấn, tăng 0,4% so với quý I năm 2025, đạt 26,4% kế hoạch năm; sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 3.205,3 tấn, giảm 1,71%, đạt 18,3% kế hoạch năm.

c) Thương mại và dịch vụ

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) quý I năm 2026 ước tăng 2,54% so với cùng kỳ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 36.390 tỷ đồng, tăng 15,24% so với cùng kỳ năm trước, đạt 25,1% kế hoạch năm. Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 901 triệu USD, tăng 14% so với cùng kỳ năm trước, bằng 28,4% kế

² Cụ thể: Dăm gỗ nguyên liệu giấy tăng 24,39%; sắt, thép tăng 55,69%; đường RE tăng 1,76%; điện sản xuất tăng 0,89%; bia các loại tăng 16,9%; bánh kẹo các loại tăng 6,75%; nước ngọt tăng 10,58%; thủy sản chế biến tăng 3,55%; ... Bên cạnh các sản phẩm có xu hướng tăng thì có một số sản phẩm giảm: Đá khai thác giảm 8,14%; tinh bột mỳ giảm 12,89%; giấy da giảm 11,98%; phân bón giảm 2,58% ...

³ Không phát sinh các dịch bệnh Lở mồm long móng, Đại, Tai xanh; Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, Cúm gia cầm, Viêm da nổi cục xảy ra rải rác ở một số hộ chăn nuôi quy mô nông hộ, không đảm bảo về điều kiện an toàn sinh học

hoạch năm⁴. Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 1.139 triệu USD, giảm 15,8% so với cùng kỳ năm trước, bằng 18,3% kế hoạch năm⁵. Doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải quý I/2026 ước đạt 3.152 tỷ đồng, tăng 31,01% so với cùng kỳ, đạt 27,8% kế hoạch năm. Hoạt động ngân hàng cơ bản ổn định, tổng huy động vốn của các tổ chức tín dụng đến cuối tháng 3 ước đạt 143.450 tỷ đồng, tăng 0,04% so với cuối năm 2025. Dư nợ các thành phần kinh tế đạt 135.850 tỷ đồng, tăng 0,03% so với cuối năm 2025; nợ xấu chiếm 1,62% tổng dư nợ.

d) Thu chi ngân sách

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh quý I năm 2026 đạt 8.607 tỷ đồng, bằng 25,4% dự toán năm, giảm 8,8% so với cùng kỳ; trong đó: thu nội địa đạt 5.255 tỷ đồng, đạt 22,8% dự toán năm, giảm 16,2% so với cùng kỳ; thu hoạt động xuất nhập khẩu đạt 3.347 tỷ đồng, đạt 31% dự toán năm, tăng 6% so với cùng kỳ. Tổng chi ngân sách địa phương quý I năm 2026 đạt 4.697 tỷ đồng, bằng 15,9% dự toán năm, giảm 10,5% so với cùng kỳ.

đ) Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội quý I ước đạt 10.499 tỷ đồng, giảm 38,9% so với cùng kỳ năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu do các dự án có tổng mức đầu tư lớn khởi công trong những năm trước đã hoàn thành, trong khi những dự án có vốn đầu tư lớn khác mới khởi công hoặc đang hoàn thiện các thủ tục để chuẩn bị khởi công.

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 của tỉnh Quảng Ngãi được Thủ tướng Chính phủ giao là 7.316 tỷ đồng, bao gồm: vốn ngân sách địa phương 5.862 tỷ đồng, vốn ngân sách Trung ương 1.454 tỷ đồng. Đến nay, tỉnh đã phân khai chi tiết kế hoạch vốn cho các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện là 7.032 tỷ đồng, gồm ngân sách địa phương 5.862 tỷ đồng, ngân sách trung ương 1.170 tỷ đồng. Còn lại 285 tỷ đồng sẽ tiếp tục giao chi tiết cho các dự án đủ điều kiện giao vốn theo quy định. Tính đến ngày 31/3/2026 giải ngân khoảng 523,6 tỷ đồng, đạt 7,2% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao; nếu không tính số vốn ngân sách trung ương mới giao thực hiện trường biên giới thì tỷ lệ giải ngân là 7,67%.

e) Thu hút đầu tư và quản lý doanh nghiệp

Trong quý I năm 2026 đã thực hiện cấp mới 06 dự án đầu tư ngoài ngân sách (không bao gồm các dự án trong Khu công nghiệp, khu kinh tế) với tổng vốn đầu tư 302,34 tỷ đồng⁶, thực hiện điều chỉnh 8 dự án. Trong quý, không cấp mới dự án

⁴ Mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng so với cùng kỳ năm trước: Dầu FO ước tăng 196,9%; dây thun khoan ước tăng 54,1%; cao su ước tăng 43,4%; thép ước tăng 24,4%; thủy sản ước tăng 5,6%; may mặc ước tăng 14%; tinh bột mì ước tăng 26,8%; dăm gỗ nguyên liệu giấy tăng 1,2%; cà phê nhân ước tăng 4,8%; chuối ước tăng 5,6%; đồ gỗ ước tăng 21,8%; hàng thực phẩm chế biến ước tăng 29,9%. Mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm so với tháng cùng kỳ năm trước: Sản phẩm cơ khí ước giảm 2,2%; sợi, sợi dệt các loại, vải ước giảm 3,3%; giấy, túi xách da các loại giảm 0,5%

⁵⁵ Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là: sắt thép, bông, sợi, vải, nguyên phụ liệu... phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

⁶ Lũy kể đến nay, toàn tỉnh có 1.102 dự án, tổng vốn đầu tư 489.754,776 tỷ đồng.

FDI⁷. Thành lập mới 535 doanh nghiệp, tăng 100,4% so với cùng kỳ; tổng vốn đăng ký là 2.049 tỷ đồng, tăng 6%; số doanh nghiệp giải thể 76 doanh nghiệp, tăng 49%; số doanh nghiệp tạm dừng hoạt động 543 doanh nghiệp, giảm 2%; số doanh nghiệp hoạt động trở lại 157 doanh nghiệp, tăng 12%.

g) Quản lý quy hoạch và đô thị

- Hoàn thành công tác lập, thẩm định và phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo tiến độ theo quy định. Ban hành danh mục các dự án quy hoạch đô thị và nông thôn dự kiến triển khai trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2028.

- Trong quý I, đã ban hành Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày ngày 24/02/2026 về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III, phường đạt mức quy định trình độ phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, theo đó, trên địa bàn tỉnh hiện có 02 đô thị loại II và 18 đô thị loại III.

g) Tài nguyên và môi trường

Công tác quản lý tài nguyên và môi trường được triển khai chặt chẽ, đúng quy định. Trong quý I, đã xử lý 84 hồ sơ bản đồ và phương án kỹ thuật đo đạc bản đồ, trong đó, 54 hồ sơ bản đồ địa chính phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tại các dự án, 20 hồ sơ đề nghị bản đồ địa hình, 10 hồ sơ phương án nhiệm vụ đo đạc và chỉnh lý biến động bản đồ địa chính khu đất. Ban hành Quyết định ban hành Quy định về quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Đã giải quyết 45 hồ sơ liên quan đến giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng công trình; cấp mới 48 GCN/07 tổ chức với tổng diện tích 930.843 m².

1.2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và đào tạo

Trong quý I năm 2026, đã xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình “Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non ở địa bàn đô thị, khu công nghiệp giai đoạn 2026-2035, định hướng đến năm 2045” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Tổ chức thành công Lễ khởi công, động thổ xây dựng Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học - Trung học cơ sở tại các xã biên giới đất liền của tỉnh; Hội thi giáo viên dạy giỏi trung học phổ thông cấp tỉnh năm học 2025-2026, với 268 giáo viên tham gia dự thi. Tăng cường công tác quản lý thực hiện bộ sách giáo khoa thống nhất từ năm học 2026-2027. Các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và phát triển đội ngũ được tổ chức bài bản, đảm bảo tiến độ, chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trên địa bàn tỉnh.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được nâng cao, rút ngắn thời gian chờ đợi, tạo thuận lợi cho bệnh nhân trong việc khám chữa bệnh. Trong quý I năm

⁷ Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 82 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 2.935,181 triệu USD, tương đương 65.949,963 tỷ đồng.

2026, đã khám, điều trị 1.023.179 lượt bệnh nhân, trung bình 11.369 lượt/ngày và 66.470 lượt bệnh nhân nội trú. Thực hiện tốt công tác phân tuyến kỹ thuật tại các tuyến; triển khai các kỹ thuật mới, kỹ thuật cao trong khám và điều trị. Ghi nhận 218 ca mắc Sốt xuất huyết, tăng 48 ca so với cùng kỳ năm trước; 84 ca tay chân miệng, giảm 07 ca; 31 ca dương tính Sởi, giảm 92 ca; 07 ca bệnh Viêm não vi rút, giảm 08 ca. Công tác tiêm chủng mở rộng được duy trì thực hiện, đảm bảo chất lượng; đẩy mạnh hoạt động dinh dưỡng cộng đồng; kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; thực hiện kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm; tổ chức vận động hiến máu tình nguyện, thu gom được 1.416 đơn vị máu.

c) Lao động, việc làm và an sinh xã hội

Công tác lao động, việc làm chính sách xã hội; công tác Trẻ em, Bình đẳng giới và Phòng chống tệ nạn xã hội; bảo trợ xã hội và Giảm nghèo được quan tâm, thực hiện đầy đủ, kịp thời. Tổ chức thành công “Ngày Hội việc làm Xuân Bính Ngọ năm 2026”. Ban hành Quyết định về việc giao chỉ tiêu vận động tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2026; Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2026. Trong quý I, đã tiếp nhận và xử lý 80 hồ sơ cấp giấy phép lao động nước ngoài, cấp lại giấy phép là 14 hồ sơ và 47 hồ sơ gia hạn giấy phép lao động nước ngoài. Cấp 01 hồ sơ giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động. Tiếp nhận và xác nhận khai báo sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động cho 08 hồ sơ.

d) Công tác dân tộc và tôn giáo

Trong quý I, tình hình dân tộc, tôn giáo trên địa bàn tỉnh ổn định, chưa phát sinh vụ việc phức tạp, điểm nóng liên quan đến dân tộc, tôn giáo. Đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào tôn giáo tin tưởng và chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia thực hiện các phong trào thi đua, cuộc vận động ở địa phương; triển khai thực hiện Cuộc vận động “Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững”. Công tác tín ngưỡng, tôn giáo được triển khai hiệu quả, tập trung vào giải quyết các đề nghị của các tổ chức tôn giáo, phối hợp với các địa phương và cơ quan liên quan nhằm bảo đảm hoạt động tôn giáo diễn ra đúng quy định pháp luật và ổn định trên địa bàn tỉnh.

đ) Văn hóa, thể thao và du lịch

- Về lĩnh vực văn hóa: Quý I năm 2026, tổ chức thành công các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao và du lịch phong phú đa dạng, Chương trình nghệ thuật “Quảng Ngãi chào Xuân Bính Ngọ” tại 02 điểm chính trên địa bàn tỉnh; hoạt động trưng bày và trình diễn di sản văn hóa truyền thống, lễ hội đua thuyền độc mộc mừng Xuân Bính Ngọ; Tuần Văn hóa - Du lịch Măng Đen và Mùa hoa anh Đào năm 2026, nổi bật là Lễ hội khinh khí cầu, hoa anh đào nở, hội chợ OCOP và các hoạt động văn hóa công chiêng. Tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 120 năm ngày sinh của đồng chí Thủ tướng Phạm Văn Đồng; Lễ dâng hương tưởng niệm 58 năm

ngày 504 đồng bào Sơn Mỹ bị thảm sát (16/3/1968-16/3/2026). Ban hành Kế hoạch tổ chức các hoạt động, sự kiện Lễ hội Du lịch Quảng Ngãi năm 2026. Trong quý I, có 04 di sản văn hóa đặc sắc trên địa bàn tỉnh được đưa vào Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể.

- Về lĩnh vực thể thao: Tổ chức thành công Lễ khai mạc Đại hội Thể dục thể thao tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I năm 2026. Tập trung triển khai công tác tổ chức bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả Lễ phát động, chạy đồng hành “Vì sức khỏe toàn dân - Vì an ninh Tổ quốc” tại Quảng trường đường Phạm Văn Đồng tỉnh Quảng Ngãi. Tham gia các giải thi đấu quốc gia và toàn quốc.

- Về lĩnh vực du lịch: Chú trọng kiểm tra chất lượng dịch vụ, an toàn thực phẩm, niêm yết giá và thái độ phục vụ tại các cơ sở kinh doanh du lịch; tăng cường tuyên truyền, quảng bá hình ảnh du lịch Quảng Ngãi qua hệ thống kênh truyền thông tương tác mạng xã hội để giới thiệu du lịch tỉnh trên các nền tảng số.

Tổng lượt khách du lịch trong quý I năm 2026, tổng lượt khách ước đạt 1.615 nghìn lượt người, tăng 31% so với cùng kỳ năm trước và đạt 26% kế hoạch năm; khách quốc tế ước đạt 27.200 lượt, tăng 46% so với cùng kỳ năm trước, đạt 25% kế hoạch năm; doanh thu ước đạt 1.514 tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ năm trước, đạt 36% kế hoạch năm.

e) Thông tin, truyền thông và phát thanh truyền hình

Tổ chức tuyên truyền, phản ánh kịp thời, đầy đủ và chính xác các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh quan trọng của tỉnh, của đất nước; tuyên truyền công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số. Tuyên truyền đậm nét về Đại hội XIV của Đảng, xác định là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt; làm nổi bật tầm vóc, ý nghĩa chính trị, lịch sử của Đại hội; khẳng định những thành tựu sau 40 năm đổi mới và kết quả nổi bật nhiệm kỳ Đại hội XIII. Tuyên truyền, quán triệt việc học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV theo Chỉ thị số 01-CT/TW của Bộ Chính trị; cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

Triển khai Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 15/01/2026 chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh trong cung ứng dịch vụ dịp trước, trong và sau Tết nguyên đán Bính Ngọ năm 2026; Công tác đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI, bầu cử Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh trong cung ứng dịch vụ bưu chính KT1.

g) Khoa học và công nghệ

Công tác khoa học và công nghệ được triển khai hiệu quả, tập trung vào nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, đời sống và quản lý; ban hành Kế hoạch nâng cao chỉ số sáng tạo cấp địa phương tỉnh Quảng Ngãi năm 2026 và những năm tiếp theo. Quý I năm 2026, theo dõi, quản lý 22 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; trong đó 19 nhiệm vụ đang triển khai, 03 nhiệm vụ đang thực hiện các thủ tục sau nghiệm thu; phối hợp triển khai thực hiện 03 dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi do Trung ương quản lý; hướng dẫn 13 tổ chức,

cá nhân thực hiện các thủ tục về sở hữu công nghiệp; tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện 03 dự án; cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế đối với 13 hồ sơ của các cơ sở y tế; cấp giấy xác nhận khai báo 02 thiết bị phát tia X của 1 cơ sở; tiếp nhận và tham mưu cấp 06 Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn X - quang trong y tế tại các cơ sở Y tế trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số quốc gia, tỉnh đã ban hành Truyền thông về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2026; Kế hoạch phát triển Chính quyền số giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Triển khai, phổ biến cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đăng ký tài khoản học viên tham gia khóa bồi dưỡng chuyển đổi số trên nền tảng “Bình dân học vụ số” do Cục Chuyển đổi số quốc gia tổ chức. Triển khai rà soát, kết nối lưu trữ tập trung bản sao dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành sau khi sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

1.3. Lĩnh vực nội chính, đối ngoại và quốc phòng an ninh

- Công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng được triển khai toàn diện, bảo đảm đúng quy định, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Ban hành Kế hoạch tổ chức Hội nghị triển khai Luật Thanh tra năm 2025. Trong quý I, đã triển khai thực hiện thực hiện 35 cuộc thanh tra; trong đó, có 28 cuộc của năm 2025 chuyển sang, triển khai thực hiện 07 cuộc thanh tra theo kế hoạch, ban hành 15 Kết luận thanh tra. Các cơ quan hành chính và lãnh đạo tiếp 140 lượt/140 người/140 vụ việc ; tiếp nhận và xử lý 537 đơn, trong đó có 266 đơn đủ điều kiện xử lý. Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được triển khai quyết liệt, đồng bộ, gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát và minh bạch tài sản, thu nhập, góp phần giữ vững kỷ cương, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Quý I năm 2026, đã thực hiện ban hành 23 lượt văn bản quy phạm; Công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 diễn ra an toàn, nghiêm túc, đúng quy định. Phê duyệt danh sách đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo các Nghị định số 154/2025/NĐ-CP. Ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2026 tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định phê duyệt vị trí việc làm và tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm của các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh. Công tác bổ nhiệm, điều động cán bộ, tuyển dụng, luân chuyển đối với công chức, viên chức được thực hiện kịp thời, đáp ứng yêu cầu công việc của các cơ quan, đơn vị; công tác thi đua, khen thưởng được triển khai nghiêm túc, kịp thời, đảm bảo đúng quy định, góp phần động viên, khích lệ các tập thể và cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Công tác ngoại vụ được triển khai đồng bộ, kịp thời, góp phần tăng cường quan hệ đối ngoại, mở rộng hợp tác quốc tế và phục vụ hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương. Công tác quản

lý đoàn ra, đoàn vào tuân thủ nghiêm các quy định của địa phương⁸. Công tác công tác phối hợp bảo vệ biên giới giữa các đơn Biên phòng tỉnh Quảng Ngãi và lực lượng bảo vệ biên giới của các tỉnh bạn Lào, Campuchia được duy trì thường xuyên. Việc quản lý và sử dụng các khoản viện trợ không hoàn lại trên địa bàn tỉnh được quản lý chặt chẽ, tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành⁹.

Quốc phòng, an ninh được giữ vững, ổn định. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu ở các cấp; theo dõi, nắm chắc tình hình vùng trời, biên giới, nội địa, ngoại biên. Tổ chức Lễ giao, nhận quân năm 2026 đảm bảo chặt chẽ, trang nghiêm. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, nhất là trong thời gian nghỉ Tết Nguyên đán Bính Ngọ và trong thời gian tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; Trong quý I năm 2026, xảy ra 81 vụ tai nạn giao thông, làm chết 54 người, bị thương 52 người; xảy ra 23 vụ cháy, nổ; tổng thiệt hại tài sản trị giá khoảng 8.580,5 triệu đồng.

2. Đánh giá chung

2.1. Ưu điểm

Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong quý I năm 2026 đạt được một số kết quả nổi bật: Hoạt động sản xuất công nghiệp vẫn duy trì ổn định và ghi nhận những tín hiệu tích cực, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 9,13% so với cùng kỳ năm trước. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; kim ngạch xuất khẩu; doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải đều tăng. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới và hoạt động trở lại tăng mạnh. Công tác kiểm tra, phòng chống dịch bệnh và khám chữa bệnh cho Nhân dân được thực hiện tốt. Các hoạt động văn hóa, thể thao được tổ chức sôi nổi, thu hút sự tham gia đông đảo của các tầng lớp nhân dân; tập trung khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa, truyền thống của các dân tộc thiểu số. Tổ chức thành công Lễ khởi công, động thổ xây dựng Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học - Trung học cơ sở tại các xã biên giới đất liền của tỉnh; Tổ chức thành công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 (*trên 99,6% cử tri trong toàn tỉnh đã tham gia bỏ phiếu*); công tác an sinh, phúc lợi xã hội được các cấp, các ngành thực hiện kịp thời; công tác giao quân đạt 100% chỉ tiêu được giao; quốc phòng, an ninh được tăng cường, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

2.2. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong quý I năm 2026 còn gặp một số hạn chế, khó khăn, vướng mắc như:

⁸ Trong quý I năm 2026, phối hợp hướng dẫn, quản lý 32 đoàn, 385 lượt người nước ngoài đến thăm và làm việc tại tỉnh và có 11 CBCCVC đi nước ngoài về việc riêng.

⁹ Quý I năm 2026, đã phê duyệt tiếp nhận 03 khoản viện trợ (02 phi dự án và 01 dự án) không hoàn lại không thuộc ODA do 02 tổ chức phi chính phủ nước ngoài viện trợ thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, với tổng giá trị viện trợ là 61.469 USD tương đương khoảng 1,59 tỷ đồng.

- Tình hình biến động tăng giá xăng, dầu, giá vật liệu xây dựng ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp; ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động đầu tư xây dựng các dự án đầu tư công trên địa bàn; đồng thời ảnh hưởng đến chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế.

- Mô hình tăng trưởng chưa bền vững, còn phụ thuộc nhiều vào các ngành công nghiệp truyền thống (*sản phẩm lọc hóa dầu và thép*), chưa chuyển mạnh sang chiều sâu, vai trò năng suất, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa được phát huy đầy đủ. Công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao thấp, công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ giá trị gia tăng cao còn phát triển chậm.

- Thu ngân sách chưa đảm bảo yêu cầu tiến độ dự toán, chủ yếu do hụt thu các khoản thu từ đất; việc áp dụng mức thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng dầu trên địa bàn tỉnh theo quy định của Trung ương ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước của tỉnh.

- Hạ tầng số chênh lệch giữa đô thị/nông thôn và đồng bằng/miền núi, ảnh hưởng đến phát triển chính quyền số và kinh tế số. Hạ tầng giao thông liên kết Đông - Tây thiếu đồng bộ vẫn là điểm nghẽn, ảnh hưởng đến thu hút đầu tư và lưu chuyển hàng hóa.

- Giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp, tiến độ triển khai một số dự án còn chậm, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng chậm được giải quyết.

- Thiên tai, dịch bệnh và biến động giá nguyên vật liệu, chi phí logistics, gián đoạn chuỗi cung ứng là rủi ro thường trực.

3. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới

Trong thời gian tới, các cấp, các ngành tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm, tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, nhất là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị, địa phương trong việc đẩy mạnh thực hiện nghị quyết, quyết định, chương trình hành động triển khai thực hiện của các cấp, các ngành; các nhiệm vụ, giải pháp đã xác định tại Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 18/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị năm 2026; Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; Kết luận số 667-KL/TU ngày 29/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 tại Hội nghị lần thứ ba về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội trong Quý II năm 2026 với quyết tâm chính trị cao nhất để phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng 02 con số đã đề ra, trong đó, tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

(1) Tập trung, quyết liệt triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 gắn với các Nghị quyết trọng tâm đột phá của Bộ Chính trị. bị chu đáo, đúng tiến độ các nội dung trình Hội nghị Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, kỳ họp HĐND tỉnh đảm bảo chất lượng.

(2) Tập trung triển khai có hiệu quả Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được điều chỉnh. Rà soát, hoàn thiện các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị tại khu vực bảo đảm đồng bộ với quy hoạch tỉnh; chỉ đạo thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý xây dựng, quản lý chiếu sáng đô thị.

(3) Tiếp tục theo dõi sát diễn biến tình hình thế giới, đẩy mạnh nghiên cứu, nâng cao chất lượng dự báo; tổ chức thực hiện quyết liệt, hiệu quả các giải pháp thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn; rà soát, điều chỉnh kịch bản tăng trưởng đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm cụ thể của từng Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan.

(4) Nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị gia tăng: tập trung phát triển các ngành mũi nhọn, công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, du lịch và dịch vụ chất lượng cao; thúc đẩy liên kết vùng, chuỗi giá trị và đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất lao động, đảm bảo tăng trưởng bền vững, ổn định. Trọng tâm là: (i) Chủ động thúc đẩy mối liên kết giữa Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y với Khu kinh tế mở Chu Lai để hình thành trung tâm công nghiệp trọng điểm của khu vực và cả nước. Hình thành Trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất; (ii) Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp; ưu tiên phát triển nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao; kinh tế lâm nghiệp, kinh tế dược liệu, với trọng tâm là sâm Ngọc Linh và các loài dược liệu đặc hữu, cây ăn quả, rau hoa xứ lạnh, tỏi Lý Sơn, cây công nghiệp; phấn đấu trở thành vùng trọng điểm dược liệu của quốc gia; (iii) Phát huy những tiềm năng, lợi thế đặc biệt của tỉnh cùng các giá trị văn hóa, lịch sử, con người để thu hút đầu tư, phát triển du lịch với các hạt nhân tạo thành tam giác phát triển du lịch thế mạnh của tỉnh: Trung tâm du lịch biển - đảo Lý Sơn, Khu du lịch Măng Đen, Di tích quốc gia đặc biệt Văn hóa Sa Huỳnh.

(5) Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp thu, chi, theo dõi chặt chẽ tiến độ nguồn thu, tăng cường các biện pháp chống thất thu ngân sách, phấn đấu hoàn thành dự toán thu ngân sách năm 2026 ở mức cao nhất. Rà soát, xây dựng phương án sắp xếp, xử lý toàn bộ tài sản công dồi dư, sử dụng không hiệu quả hoặc không còn phù hợp sau sắp xếp tổ chức bộ máy.

(6) Hoàn thiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 đảm bảo tính khả thi phù hợp với nguồn lực và định hướng phát triển của tỉnh. Tập trung tháo gỡ dứt điểm các tồn tại, vướng mắc của các dự án trọng điểm (*nhất là về xác định giá đất, thủ tục đầu tư, bồi thường, giải phóng mặt bằng*). Đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả công tác giải ngân vốn đầu tư công và triển khai các dự án trọng điểm, được xác định là động lực tăng trưởng năm 2026 của tỉnh; phấn đấu hoàn thành 100% kế hoạch vốn được giao.

(7) Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công; xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; tạo đột phá trong cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh. Thực hiện có hiệu quả việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông, tạo chuyển biến rõ nét trong

cung cấp dịch vụ công trực tuyến, góp phần giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp, người dân.

(8) Chú trọng phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân và bảo đảm an sinh xã hội. Đẩy mạnh tiến độ thực hiện các dự án Nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh để bảo đảm chỉ tiêu Chính phủ giao tại Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 12/01/2026. Đảm bảo tiến độ xây dựng hoàn thành các trường liên cấp tại các xã biên giới theo kế hoạch đề ra. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, nhất là hỗ trợ định canh, định cư, đất ở, đất sản xuất đối với dân tộc thiểu số và hộ nghèo. Chú trọng công tác đào tạo, giải quyết việc làm cho lao động, giảm nghèo bền vững ở khu vực miền núi, nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội.

(9) Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính, **khơi dậy khát vọng trong toàn hệ thống, tập trung cao độ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm quốc phòng, an ninh.** Thực hiện nghiêm Kết luận số 226-KL/TW của Ban Bí thư về chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; đồng thời lãnh đạo tháo gỡ các vướng mắc trong vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, nâng cao năng lực cán bộ, đảng viên cấp cơ sở.

(10) Tổ chức thực hiện nghiêm các thông báo, kết luận kiểm tra, kiểm toán của các cấp, các ngành; thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gắn với tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, giải quyết dứt điểm các dự án tồn đọng kéo dài theo đúng chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

(11) Chú trọng công tác quốc phòng, an ninh; nắm chắc tình hình, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm, sẵn sàng phương án ngăn chặn, xử lý hiệu quả các tình huống phức tạp xảy ra, không để bị động, bất ngờ, đặc biệt là các ngày nghỉ Lễ. Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Tiếp tục thực hiện tốt công tác đối ngoại địa phương trong tình hình mới.

II. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 gắn với các Chương trình, kế hoạch cụ thể của tỉnh

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh đã lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và trình Tỉnh ủy Quảng Ngãi ban hành: (1) Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 (*Chương trình số 01-CTr/TU ngày 27/9/2025*); (2) Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số” giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững giai đoạn đến năm 2045 (*Chương trình số 11-CTr/TU ngày 12/01/2026*).

Triển khai các nội dung cụ thể hóa Nghị quyết, Chương trình hành động của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030 (*Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10/12/2025*); Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh đã lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành: (1) Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 30/12/2025 về Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 05-CTr/ĐU ngày 07/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ UBND tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; (2) Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030; trong đó: UBND tỉnh đã phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng sở, ban ngành, địa phương; xác định rõ tiến độ thực hiện, hoàn thành; đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp để triển khai tổ chức thực hiện nghiêm, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh đã lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và trình Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 25/3/2026 thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 (*thay thế Chương trình số 01-CTr/TU ngày 27/9/2025 nêu trên*). Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 về Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11/3/2026 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 25/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 với các chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế như sau: (1) Phân đầu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 10%/năm trở lên, trong đó: (i) Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng bình quân 5% - 6%/năm, (ii) Khu vực công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 12% - 13%/năm (trong đó, công nghiệp tăng bình quân 12% - 13%/năm), (iii) Khu vực dịch vụ tăng bình quân 11% - 12%/năm, (iv) Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng bình quân 2% - 3%/năm; (2) Năng suất lao động xã hội tăng bình quân 8,5% - 9,5%/năm; (3) Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người khoảng 6.900 - 7.000 USD; (4) Thu nhập bình quân đầu người (giá hiện hành) tăng bình quân 9% - 10%/năm; (5) Đến năm 2030, Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng 75% - 76%, trong đó công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 44% - 45%; (6) Đến năm 2030, Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt tối thiểu 30%; (7) Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn trong 05 năm đạt ít nhất 560.000 tỷ đồng; (8) Phân đầu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hàng năm vượt mức chỉ tiêu Trung ương giao...

Đồng thời, yêu cầu các cấp, các ngành tổ chức quán triệt sâu rộng đến toàn thể các bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân; đồng thời, tổ chức xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện, trong đó, xác định các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình triển khai thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể, bảo đảm

tiền độ, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm và tránh hình thức, lãng phí. Bước đầu, công tác quán triệt đã tạo chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội mà Nghị quyết Đại hội toàn quốc và Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi đã đề ra. Kết quả này là nền tảng quan trọng giúp tỉnh thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đồng thời củng cố vững chắc công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị tại địa phương.

Trong thời gian tới, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung, quyết liệt hơn nữa trong việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, gần nhất là kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2026; đồng thời, chỉ đạo tăng cường công tác, kiểm tra giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra, góp phần hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.

III. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp; sắp xếp tổ chức bộ máy, cải cách hành chính, chuyển đổi số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

1. Về hoàn thiện bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp, thực hiện sắp xếp, tinh gọn đầu mối bên trong

a) Về hoàn thiện bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp

Sau sáp nhập, tỉnh Quảng Ngãi có 96 đơn vị hành chính cấp xã (86 xã, 09 phường và 01 đặc khu), giảm 194 đơn vị hành chính cấp xã; 14 cơ quan chuyên môn và 01 tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh¹⁰; 10 đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh¹¹; 107 tổ chức bên trong thuộc các sở, ngành và tổ chức hành chính (*gồm phòng chuyên môn, chi cục và tổ chức tương đương*); 167 đơn vị sự nghiệp thuộc các Sở, ngành; 900 đơn vị sự nghiệp thuộc 96 xã, phường, đặc khu (*91 đơn vị sự nghiệp khác và 809 đơn vị trường học công lập (gồm mầm non, tiểu học, trung học cơ sở)*). Đồng thời để các đơn vị sự nghiệp đi vào hoạt động ổn định, đã ban hành quyết định quy định nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ

¹⁰ Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi; Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi; Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi; Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi; Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi; Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi; Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi; Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi; Sở Ngoại vụ tỉnh Quảng Ngãi; Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Quảng Ngãi; Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi.

¹¹ (1) Trường Đại học Phạm Văn Đồng; (2) Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi; (3) Trường Cao đẳng Kon Tum; (4) Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi; (5) Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi; (6) Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi; (7) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi; (8) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi; (9) Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi; (10) Ban Quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray, tỉnh Quảng Ngãi.

chức của chức năng nhiệm vụ quyền hạn các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp xã và các đơn vị công lập cấp tỉnh, cấp xã đúng quy định¹².

b) Về sắp xếp đơn vị sự nghiệp và thực hiện sắp xếp, tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan, đơn vị

(1) Về sắp xếp đơn vị sự nghiệp

- *Lĩnh vực y tế*: chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 về phê duyệt Đề án chuyển giao các Trạm Y tế, Bệnh xá, Phòng khám đa khoa khu vực (*thực hiện nhiệm vụ Trạm Y tế*) thuộc Trung tâm Y tế trực thuộc Sở Y tế về thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý để chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn¹³; thành lập 95/95¹⁴ Trạm Y tế cấp xã là đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp xã, chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2026. Tiếp tục duy trì hoạt động của các Trung tâm y tế, bệnh viện đa khoa cấp huyện trước đây trực thuộc Sở Y tế để tổ chức chăm sóc, khám, chữa bệnh theo khu vực liên phường, xã hoặc sắp xếp, tổ chức lại cho phù hợp theo quy định.

- *Lĩnh vực giáo dục*: trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đề án sắp xếp, chuyển Trung tâm Giáo dục thường xuyên Kon Tum, Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức bộ máy bên trong Trường Đại học Phạm Văn Đồng, Trường Cao đẳng Kon Tum và Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi. Đối với các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học, các trường liên cấp, mầm non đã xây dựng Đề án thực hiện sắp xếp đồng bộ với kết thúc năm học 2025-2026.

- *Lĩnh vực khác*: (i) thành lập 95/95¹⁵ đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ công cơ bản thiết yếu cho người dân trên địa bàn; (ii) Đề án sắp xếp các Ban quản lý dự án (QLDA) cấp tỉnh giảm từ 04 ban xuống còn 03 Ban, đảm bảo đúng theo định hướng tại Công văn số 8150/BNV-TCCB ngày 18/9/2025 của Bộ Nội vụ về việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp theo Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW và Công văn số 10626/BXD-KTQLXD ngày 26/6/2025 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn về hình thức quản lý dự án và sắp xếp Ban quản lý dự án chuyên ngành, khu vực; (iii) Đối với Ban QLDA cấp xã (là đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên), định hướng sắp xếp là "xã, phường nào đủ điều kiện, năng lực quản lý thì tiếp tục duy trì quản lý; xã, phường nào không đảm bảo điều kiện, năng lực thì sắp xếp cho phù hợp", để đảm bảo việc sắp xếp, chuyển tiếp các dự án khi tổ chức lại phải đảm bảo tính liên tục, tiến độ hoàn thiện của dự án, tránh gián đoạn triển khai các dự án.

¹² Đã ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cho: 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp xã; 83 đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; 95/95 Trạm Y tế cấp xã và 85/96 Trung tâm Cung ứng dịch vụ công, các xã, phường còn lại đang lấy ý kiến các cơ quan liên quan để hoàn chỉnh ban hành

¹³ Có 01 Bệnh xá Đặng Thùy Trâm trên địa bàn xã Khánh Cường; có 03 Phòng Khám đa khoa khu vực thực hiện nhiệm vụ của Trạm Y tế trên địa bàn xã Đăk Rve, Đăk Tờ Kan và Đăk Môn; tại Trung tâm Y tế Quân - Dân Y đặc khu Lý Sơn không có Trạm Y tế thuộc Trung tâm.

¹⁴ Đặc khu Lý Sơn không thành lập Trạm Y tế

¹⁵ Đặc khu Lý Sơn tổ chức theo mô hình khác (vẫn còn Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp và Trung tâm Truyền thông – Văn hoá – Thể thao)

(2) Sắp xếp xếp, tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan, đơn vị

- Đối với cơ quan khối chính quyền, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo¹⁶ các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương rà soát, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bên trong của cơ quan, đơn vị mình; theo đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã xây dựng phương án, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt sắp xếp tổ chức bên trong, cụ thể:

+ Cấp tỉnh: Phê duyệt hợp nhất phòng Công chứng số 1 và phòng Công chứng số 2 thành phòng Công chứng thuộc Sở Tư pháp; đến nay, có **107** tổ chức bên trong thuộc các sở, ngành và tổ chức hành chính (*gồm phòng chuyên môn, chi cục và tổ chức tương đương*); có **10** đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh, có **166** đơn vị sự nghiệp thuộc các Sở, ngành. Đồng thời, rà soát ban hành quyết định điều chỉnh chức năng nhiệm vụ quyền hạn của Sở Ngoại vụ¹⁷, Ban quản lý KKT Dung Quất và các khu công nghiệp Quảng Ngãi, Sở Tư pháp; quyết định bổ sung nhiệm vụ đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh¹⁸. Hiện nay, các đơn vị tiếp tục rà soát để sắp xếp theo hướng dẫn của các bộ, ngành.

+ Cấp xã: 96 xã, phường, đặc khu đã thành lập đủ 03 phòng chuyên môn (*Văn phòng HĐND-UBND; Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế đối với xã, đặc khu hoặc phòng Kinh tế - hạ tầng và Đô thị đối với phường*) và Trung tâm phục vụ Hành chính công. Hiện nay, sau khi thành lập Trạm Y tế cấp xã, Trung tâm Cung ứng dịch vụ công cấp xã thống nhất trên địa bàn tỉnh, có **1.017** đơn vị sự nghiệp cấp xã (*bao gồm cả đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục là các trường học*)¹⁹.

c) Về xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm

Sau khi hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp xã theo Nghị quyết số 18, lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng lại Đề án vị trí việc làm phù hợp với cơ cấu tổ chức mới. Ngày 31/12/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 361/2025/NĐ-CP quy định về vị trí việc làm công chức, theo đó UBND tỉnh triển khai xây dựng vị trí việc làm đến các cơ quan, tổ chức hành chính, địa phương; đồng thời, ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng vị trí việc làm công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính để làm cơ sở trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt²⁰, đến nay, xem xét, phê duyệt vị trí việc làm và tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm của 15/15 sở, ngành và 96/96 xã, phường, đặc khu theo quy định

2. Công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức

¹⁶ Công văn số 5601/UBND-NC ngày 09/12/2025 về việc triển khai Kết luận số 202-KL/TW ngày 31/10/2025 của Bộ Chính trị, Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Công văn số 171/CV-BCĐ ngày 21/11/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương

¹⁷ Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 16/11/2025 về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ tỉnh Quảng Ngãi.

¹⁸ Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 về bổ sung khoản 3 Điều 1 Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 09/QĐUBND ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

¹⁹ Do sắp xếp các đơn vị sự nghiệp ở cấp xã và thành lập thêm các Trung tâm Cung ứng dịch vụ công thuộc xã và Trạm Y tế cấp xã.

²⁰ Công văn số 243/SNV-TCBM ngày 17/01/2026 của Sở Nội vụ

a) Chỉ đạo tham mưu một số nội dung về công tác cán bộ theo thẩm quyền; triển khai đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo Quý trong năm 2026 theo các quy định hiện hành²¹.

b) Xây dựng dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức khối Nhà nước trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh (*thực hiện thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức trong các cơ sở giáo dục công lập theo Nghị quyết số 248/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*).

c) Xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, điều động, biệt phái trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*thay thế Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 và Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND*).

d) Tham mưu Quyết định tạm giao biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2026;

đ) Tham mưu nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với **54** cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Xếp ngạch chuyên viên cao cấp đối với **02** cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. chuyển công tác đối với **114** công chức viên chức;

e) Triển khai thực hiện Kết luận số 205-KL/TW của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ; Quyết định số 234/QĐ-TTg ngày 03/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 1370/BNV-CTL&BHXH ngày 12/02/2026 của Bộ Nội vụ; hướng dẫn, phúc đáp về giải quyết chính sách, chế độ tiền lương, phụ cấp theo quy định cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Xây dựng chính quyền và địa giới hành chính

3.1. Công tác xây dựng chính quyền

a) Công tác phê chuẩn

- Chủ tịch UBND tỉnh phê chuẩn kết quả bầu 03 Phó Chủ tịch UBND cấp xã²² nhiệm kỳ 2021-2026.

²¹ Quy định số 366-QĐ/TW ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị; Kết luận số 198-KL/TW ngày 08/10/2025 Bộ Chính trị về chủ trương đánh giá đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị; Hướng dẫn số 43-HD/BTCTW, ngày 31/10/2025 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn một số nội dung về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị; Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức.

²² Đỗ Hoàng Lâm (Xã Măng Đen), Bùi Quốc Hưng (phường Kon Tum) và Lữ Ngọc Út (phường Trương Quang Trọng)

- Lãnh đạo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bầu các Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Ủy viên UBND tỉnh nhiệm kỳ 2026-2031. Thẩm định và tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh phê chuẩn kết quả bầu 96 Chủ tịch UBND cấp xã và 197 Phó Chủ tịch UBND cấp xã nhiệm kỳ 2026-2031. Tham mưu chuẩn bị hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh nhiệm kỳ 2026-2031.

- Hướng dẫn cấp xã chuẩn bị hồ sơ nhân sự trình phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã.

b) Công tác bầu cử

Lãnh chỉ đạo tổ chức thành công công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031. Cụ thể:

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành: (1) Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 thành lập UBBC đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV, nhiệm kỳ 2026 - 2031 (*kiện toàn tại Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 12/01/2026*); (2) các Quyết định thành lập 04 Ban bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI²³ và 21 Ban bầu cử đại biểu HĐND tỉnh Quảng Ngãi khóa XIV nhiệm kỳ 2026-2031 (*kiện toàn tại Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 06/3/2026*)²⁴.

- Triển khai, thực hiện công bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh: (1) Báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia về ấn định số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI trên địa bàn tỉnh; (2) Nghị quyết số 17/NQ-UBBC ngày 23/12/2025 về ấn định số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu HĐND tỉnh Quảng Ngãi khóa XIV, nhiệm kỳ 2026-2031; (3) Công tác chuẩn bị, báo cáo phục vụ Đoàn giám sát, kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia về công tác bầu cử tại tỉnh Quảng Ngãi; (4) Tiếp nhận hồ sơ người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND tỉnh; (5) Công bố danh sách chính chức những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI ở tỉnh Quảng Ngãi theo từng đơn vị bầu cử²⁵; (6) Nghị quyết số 60/NQ-UBBC ngày 14/02/2026 của Ủy ban bầu cử về lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XIV nhiệm kỳ 2026-2031 theo từng đơn vị bầu cử; (7) In tài liệu, biểu mẫu, bảng niêm yết tiêu sử tóm tắt và danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND tỉnh phục vụ công tác bầu cử; (8) Tổng hợp kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; (9) Nghị quyết công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV nhiệm kỳ 2026-2031; (10) Kế hoạch tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ

²³ Các Quyết định số: 351, 352, 353, 354.

²⁴ Các Quyết định số: 355, 356, 357, 358, 359, 360, 361, 362, 363, 364, 365, 366, 367, 368, 369, 370, 371, 373, 374, 375, 376.

²⁵ tại Công văn số 62/UBBC ngày 15/02/2026.

2026-2031; (11) Hướng dẫn tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; (12) Báo cáo kết quả bầu cử đại biểu HĐND tỉnh nhiệm kỳ 2026-2031; (13) Báo cáo kết quả xác nhận tư cách đại biểu HĐND tỉnh nhiệm kỳ 2026-2031; (14) Nghị quyết xác nhận tư cách đại biểu HĐND tỉnh nhiệm kỳ 2026-2031; (15) Báo cáo tổng kết công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; (16) Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; (17) Triển khai, hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; (18) Báo cáo tiến độ công tác bầu cử hàng tuần theo quy định, Tổng hợp, báo cáo nhanh trong Ngày bầu cử...

- Tham mưu chuẩn bị các nội dung phục vụ Kỳ họp thứ nhất HĐND tỉnh khóa XIV nhiệm kỳ 2026-2031 và trao Giấy chứng nhận đại biểu HĐND tỉnh nhiệm kỳ 2026-2031.

c) Về thôn, tổ dân phố:

Triển khai thực hiện chủ trương kéo dài nhiệm kỳ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đến các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi²⁶ theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 6229/UBND-NC ngày 28/12/2025.

3.2. Công tác địa giới hành chính, phân loại đơn vị hành chính

- Lãnh đạo UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 về công nhận xã đảo, xã An toàn khu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 công bố danh sách xã đảo, xã An toàn khu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 25/01/2026 triển khai rà soát, phân loại đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Triển khai bàn giao hồ sơ địa giới đơn vị hành chính đến các xã, phường, đặc khu theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 09/UBND-NC ngày 03/01/2026, Công văn số 5445/UBND-NC ngày 04/12/2025²⁷.

- Đôn đốc, đề nghị UBND cấp xã khẩn trương triển khai thực hiện việc lập hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã và thành lập phường²⁸ theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 2475/UBND-NC ngày 27/3/2026.

3.3. Cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt danh sách 40 đối tượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tỉnh Quảng Ngãi nghỉ theo quy định Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ. Hướng dẫn, trả lời kiến nghị của địa phương liên quan đến người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định.

²⁶ Công văn số 3369/SNV-XDCQ ngày 29/12/2025

²⁷ Công văn số 35/SNV-XDCQ ngày 06/01/2026.

²⁸ Công văn số 1246/SNV-XDCQ ngày 30/3/2026.

Tham mưu thực hiện quy trình tiếp nhận vào làm công chức đối với 02 Đội viên Đề án trí thức trẻ. Báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh nội dung liên quan đến đơn phản ánh, kiến nghị của ông Tạ Công Hoàng²⁹. Báo cáo về sắp xếp, bố trí đối với công chức Ban Chỉ huy quân sự cấp xã theo đề nghị của Bộ Nội vụ tại Công văn số 2833/BNV-TCBC ngày 27/3/2026. Tham mưu các báo cáo, góp ý dự thảo văn bản và phúc đáp, trả lời kiến nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định.

3.4. Công tác dân chủ cơ sở, dân vận chính quyền

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành: Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 19/01/2026 thực hiện công tác dân vận chính quyền và dân chủ ở cơ sở năm 2026; góp ý về việc triển khai thực hiện Đề án số 05-ĐA/TU ngày 26/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; góp ý dự thảo Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo”, giai đoạn 2026 - 2030. Triển khai thực hiện Công văn số 927/BNV-CTTN&BDG ngày 30/01/2026 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động³⁰.

- Trình HĐND tỉnh quy định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Công tác cải cách hành chính

4.1. Về chỉ đạo, điều hành CCHC

a) Tiếp tục thực hiện các quy định, hướng dẫn của Trung ương về CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và triển khai Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, Kế hoạch CCHC nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ và để phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại Công văn số 4625/BNV-CCHC ngày 02/7/2025, tỉnh Quảng Ngãi đã chủ động rà soát, tổng hợp xây dựng và ban hành Kế hoạch CCHC năm 2026 của tỉnh để làm cơ sở triển khai thực hiện trong năm 2026³¹. Kế hoạch CCHC năm 2026 xác định cụ thể 58 nhiệm vụ phải thực hiện, tiến độ hoàn thành để yêu cầu các sở, ban ngành, địa phương xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện có hiệu quả. Đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch và tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ CCHC³². Đến nay cơ bản đã hoàn thành 19 nhiệm vụ, đạt 32,76% kế hoạch đề ra.

b) Để có cơ sở triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030, UBND tỉnh xây dựng, tham mưu Đảng ủy UBND tỉnh trình Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về CCHC; nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp

²⁹ Công văn số 321/SNV-XDCQ ngày 22/01/2026

³⁰ Công văn số 552/SNV-XDCQ ngày 06/02/2026

³¹ Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC năm 2026 tỉnh Quảng Ngãi.

³² Công văn số 2042/UBND-TTHC ngày 16/3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC và kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2026.

tỉnh, gắn với đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030 trình Đảng ủy UBND tỉnh tham mưu Tỉnh ủy ban hành³³.

c) Nhằm tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả CCHC và tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, ý thức trách nhiệm, thái độ phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Dự kiến trong năm 2026 sẽ tiến hành kiểm tra ít nhất 20% số sở, ban ngành và UBND cấp xã, **thực hiện kiểm tra trong thời gian quý III, quý IV năm 2026.**

Ngoài ra, chỉ đạo 100% các sở, ban ngành, địa phương thực hiện tự kiểm tra theo thẩm quyền.

4.2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC:

Để triển khai nhiệm vụ rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 30/01/2026 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2026 trên địa bàn tỉnh, với mục tiêu cắt giảm 50% thời gian giải quyết TTHC, 50% chi phí tuân thủ TTHC so với năm 2024 mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi thực hiện TTHC; đồng thời rà soát, chuẩn hóa, điện tử hóa mẫu đơn, tờ khai theo hướng cắt giảm thông tin phải khai báo trên cơ sở kết nối, tích hợp, chia sẻ và tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã được số hóa; cắt giảm TTHC dựa trên dữ liệu số, không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại giấy tờ đã được số hóa; đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền trong thực hiện TTHC thuộc thẩm quyền của địa phương để phù hợp với tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp, nhất là các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh có thời hạn giải quyết dưới 10 ngày làm việc.

b) Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết:

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành khoảng gần 80 quyết định công bố Danh mục TTHC và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền, trong đó có 477 TTHC được sửa đổi, bổ sung; 187 TTHC bị bãi bỏ. Đồng thời, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 09 quyết định công bố Danh mục TTHC nội bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của các sở, ban ngành.

c) Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đầy đủ các kế hoạch triển khai nhiệm vụ kiểm soát TTHC năm 2026 như: Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2026 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 30/01/2026 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2026 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 26/02/2026 kiểm tra hoạt động

³³ Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 05/4/2026 của Tỉnh ủy về cải cách hành chính; nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, gắn với đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030.

kiểm soát TTHC năm 2026 trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 26/02/2025 truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC năm 2026 trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức, hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công

Cấp tỉnh: Thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh duy trì vận hành ổn định, liên tục, bảo đảm việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC cho tổ chức, cá nhân theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Cấp xã: UBND cấp xã thành lập, tổ chức hoạt động 96 Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã theo quy định. Văn phòng UBND tỉnh hướng dẫn, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động của các Trung tâm, góp phần ổn định tổ chức, hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh khi thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

- Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC

Hồ sơ có đính kèm tệp tin thành phần hồ sơ khi tiếp nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đạt 99,96%; hồ sơ có đính kèm tệp tin kết quả giải quyết TTHC điện tử đạt 98,10%. Hồ sơ được khai thác, tái sử dụng từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là 83.089 hồ sơ, đạt tỷ lệ 58,99% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận.

- Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC

Tình hình và kết quả giải quyết TTHC: (1) Cấp tỉnh: Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới của các sở, ban ngành là 64.434 hồ sơ, đã giải quyết 46.895 hồ sơ, trong đó trả kết quả trước hạn và đúng hạn khoảng 45.944 hồ sơ, trễ hạn 951 hồ sơ; đang giải quyết khoảng 17.539 hồ sơ. (2) Cấp xã: Tiếp nhận mới là 104.455 hồ sơ, đã giải quyết 97.489 hồ sơ, trong đó hồ sơ trước hạn, đúng hạn 96.069 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 98,54%, trễ hạn 1.420 hồ sơ; đang giải quyết 6.966 hồ sơ.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích: Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến: Các sở, ban, ngành đạt bình quân 83,16%; UBND cấp xã đạt 94,36%. Tỷ lệ hồ sơ có phát sinh thanh toán trực tuyến: Các sở, ban, ngành đạt bình quân 32,77%; UBND cấp xã đạt bình quân 98,40%. Khoảng 7.257 hồ sơ được nộp và trả kết quả qua đường bưu chính theo yêu cầu của tổ chức, công dân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại cho người dân, doanh nghiệp; đồng thời góp phần thúc đẩy CCHC và nâng cao chất lượng phục vụ.

4.3 Cải cách chế độ công vụ

Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức:

Trong thời gian qua, thực hiện chỉ đạo của Trung ương, hòa chung với tinh thần của cả nước trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã có nhiều chỉ đạo nhằm tăng

cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nhất là trong việc giải quyết những công việc, TTHC cho tổ chức, công dân³⁴. Qua theo dõi cho thấy tình hình thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đã có những chuyển biến tích cực, có ý thức rõ hơn trách nhiệm phục vụ Nhân dân; tình trạng đi muộn, về sớm, sử dụng thời gian hành chính cho việc riêng từng bước được khắc phục. Đặc biệt, tinh thần “*làm hết việc chứ không hết giờ*” ngày càng lan tỏa, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC và củng cố niềm tin của người dân.

4.4. Về chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước

a) Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số:

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 31/12/2025 về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2026; Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 08/01/2026 về phát triển Chính quyền số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 04/02/2026 về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 08/03/2026 về triển khai các ứng dụng, nền tảng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Đồng thời, ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia UBND tỉnh tại Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 11/03/2026.

b) Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật:

Mạng Truyền số liệu chuyên dùng: Đã triển khai đến 100% các cơ quan cấp tỉnh và 100% cấp xã (96/96 xã, phường, đặc khu); Mạng di động: 100% thôn, bản có sóng di động 3G, 4G. Mạng 5G đã triển khai 532 trạm BTS 5G nâng vùng phủ 5G từ ~10% lên 90,7% khu vực trung tâm các xã, phường và đặc khu, bao gồm các khu vực kinh tế, công nghiệp, du lịch trọng điểm và khu vực biển đảo (*Khu kinh tế Dung Quất; Khu công nghiệp VSIP; Khu du lịch Măng Đen, Lý Sơn*).

c) Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng:

Tỉnh Quảng Ngãi đang duy trì, phát huy hiệu quả các ứng dụng/hệ thống thông tin phục vụ chính quyền địa phương 2 cấp: (1) Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, (2) Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, (3) Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh, (4) Hệ thống hội nghị truyền hình, (5) Chữ ký số, (6) Nền tảng LGSP tỉnh, (7) Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh, (8) Cổng Thông tin điện tử tỉnh, (9) Hệ thống phòng họp không giấy.

d) Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu:

³⁴ UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 2042/UBND-TTHC ngày 16/3/2026 về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC và kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2026.

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (*Trục LGSP*) liên tục, ổn định, cung cấp 39 dịch vụ, với 47 ứng dụng kết nối, **đã thực hiện liên thông** 7.527.658 văn bản liên thông qua LGSP và 4.915.037 bản tin liên thông VDXP. Quản trị, vận hành 30 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh tại Trung tâm dữ liệu tỉnh, bảo đảm các hệ thống hoạt động liên tục, ổn định 24/7. Tiếp tục thực hiện công tác quản lý vận hành Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Quảng Ngãi (*Trung tâm IOC tỉnh*).

đ) Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ:

Tỉnh Quảng Ngãi duy trì, phát huy hiệu quả (1) Hệ thống phần mềm theo dõi chỉ đạo của UBND tỉnh thực hiện theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của các đơn vị địa phương; (2) Các lĩnh vực ưu tiên thực hiện chuyển đổi số đã cung cấp trải nghiệm mới, mang lại giá trị cho người dân, doanh nghiệp và xã hội; (3) Cổng Thông tin điện tử tỉnh duy trì hoạt động ổn định, an toàn thông tin và thực hiện cung cấp thông tin theo đúng quy định; (4) Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh phục vụ trao đổi công việc của các cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

e) Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp:

Theo yêu cầu của Trung ương, nhiều Bộ chuyên ngành đã chính thức triển khai vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của từng Bộ (*Hệ thống của Bộ*), áp dụng thống nhất trên cả nước kể từ ngày 01/01/2026. Đến nay, đã triển khai 09 ngành: Công Thương; Tài chính; Khoa học và Công nghệ; Nông nghiệp và Môi trường; Dân tộc và Tôn giáo; Xây dựng; Giáo dục và Đào tạo; Tư pháp; Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Các nền tảng: Agribank E-Mobile Banking, BIDV iBank, Vietcombank, VietinBank iPay, ZaloPay... được người dân, doanh nghiệp sử dụng rộng rãi, thường xuyên.

g) Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh:

- Trung tâm IOC tỉnh Quảng Ngãi (đang thử nghiệm) được xây dựng với cấu trúc gồm 10 phân hệ chức năng chính, phản ánh các lĩnh vực quản lý trọng điểm của địa phương; Trong đó:

+ 07/10 phân hệ hiện đã hoạt động theo hình thức hiển thị dữ liệu theo thời gian thực, bao gồm: (1) Giám sát và điều hành lĩnh vực Kinh tế - Xã hội (KT-XH); (2) Giám sát Camera an ninh và giao thông; (3) Giám sát lĩnh vực An toàn thông tin; (4) Giám sát và Quản lý văn bản điều hành; (5) Giám sát và điều hành lĩnh vực Y tế; (6) Giám sát và điều hành Dịch vụ công; (7) Giám sát chỉ số hoạt động chung của chính quyền số.

+ 03/10 phân hệ còn lại hiện vẫn phải cập nhật dữ liệu thủ công, cụ thể: (1) Phân hệ Giám sát và điều hành Giáo dục; (2) Phân hệ Giám sát và điều hành Du lịch; (3) Phân hệ Giám sát tàu cá.

h) Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

Việc ứng dụng công nghệ thông tin, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06 tiếp tục được đẩy mạnh. Hoạt động của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh vận hành hiệu quả; đồng thời tăng cường kết nối, phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, góp phần nâng cao hiệu quả theo dõi, giám sát và kiểm tra việc giải quyết hồ sơ TTHC của các cơ quan liên quan. Hoạt động chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh từng bước đi vào ổn định, góp phần nâng cao hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

g) Về công tác số hóa hồ sơ, tài liệu lưu trữ

Đối với công tác số hóa hồ sơ, tài liệu lưu trữ, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện từ khi có văn bản số 169/HD-VTLTNN ngày 10/3/2010, Thông tư số 02/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019, Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 08/4/2025, Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 11/4/2025 và Công văn số 3245/UBND-NC ngày 30/5/2025³⁵. Trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị đã chủ động cân đối từ nguồn kinh phí thường xuyên và nguồn chuyển đổi số được phân bổ đợt 1 năm 2025³⁶ để thực hiện chỉnh lý, số hóa tài liệu lưu trữ. Tài liệu số hóa bao gồm tài liệu đã được chỉnh lý hoàn chỉnh, tài liệu đang phục vụ hoạt động quản lý điều hành và tài liệu thường xuyên phục vụ nhu cầu của người dân, cơ quan. Đến nay, theo số liệu báo cáo của các cơ quan, tổ chức, địa phương số lượng tài liệu đã số hóa là: 438.714 hồ sơ; 1.675.340 file; 7.275.443 trang văn bản (*trong đó số lượng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là: 241.328 trang văn bản*).

5. Đánh giá chung

5.1. Ưu điểm

- Sau khi sắp xếp, tổ chức và hoạt động của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã dần đi vào ổn định. Mô hình chính quyền địa phương 02 cấp bước đầu đi vào vận hành đảm bảo theo đúng chỉ đạo, định hướng của Trung ương, đồng bộ, hiệu quả, không bị gián đoạn, không bỏ trống nhiệm vụ, công việc trong giai đoạn chuyển tiếp.

- Việc hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, bộ máy của các sở, ban, ngành, việc thực hiện phân cấp, phân quyền cơ bản được triển khai thực hiện đảm bảo, tăng tính chủ động, trách nhiệm của các đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ được phân cấp, tránh sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị; đồng thời tạo hành lang pháp lý, kịp thời xử lý, tháo gỡ “điểm nghẽn” về thể chế, mang lại hiệu quả tích cực trong việc phục vụ cho tổ chức, người dân, doanh nghiệp và góp phần xây dựng

³⁵ Hướng dẫn số 169/HD-VTLTNN ngày 10/3/2010 của Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước hướng dẫn xây dựng cơ sở dữ liệu lưu trữ; Thông tư số 02/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào và yêu cầu bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử; Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 08/4/2025 về tăng cường quản lý công tác văn thư, lưu trữ trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy theo Kết luận số 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 11/4/2025 về triển khai sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; Công văn số 3245/UBND-NC ngày 30/5/2025 về đơn đốc thực hiện số hóa tài liệu lưu trữ.

³⁶ Theo Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân khai kinh phí cho cơ quan, đơn vị để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2025 (đợt 1).

nền hành chính phục vụ, chuyên nghiệp, hiện đại khi vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5.2. Các khó khăn, vướng mắc

- Hiện nay, danh mục vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc áp dụng riêng đối với đơn vị sự nghiệp cấp xã chưa được quy định cụ thể, dẫn đến việc bố trí, sắp xếp viên chức, người lao động tại các đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã theo vị trí việc làm gặp nhiều khó khăn.

- Theo Công văn số 20/CV-BCĐ ngày 17/10/2025 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp về việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng các dịch vụ đa ngành, đa lĩnh vực ở cấp xã thì nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp cung ứng Dịch vụ công phải “....*đảm bảo theo hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ phát sinh trên địa bàn cấp xã*”.

Tính đến thời điểm hiện tại, chỉ có Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư số 60/2025/TT-BNNMT ngày 14/10/2025 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp tỉnh, **cấp xã** (*chưa hướng dẫn các nhiệm vụ còn lại*); các Bộ, ngành còn lại chưa hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp cung ứng Dịch vụ công của cấp xã (*như lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, môi trường, đô thị...*), khó khăn cho các ngành, địa phương trong quá trình thực hiện.

6. Nhiệm vụ trong thời gian tới

6.1. Công tác tổ chức bộ máy

- Thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh sách đối tượng nghỉ theo Nghị định 154 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Rà soát, kiện toàn lại các Tổ chức tư vấn, tổ chức phối hợp liên ngành do các sở sau xếp làm cơ quan thường trực.

- Tiếp tục thẩm định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập của các sở sau sắp xếp.

- Tiếp tục tham mưu các nội dung liên quan đến sắp xếp các Ban quản lý dự án (QLDA) cấp tỉnh, BQLDA cấp xã và các ĐVSN cấp xã. Trong đó tập trung sắp xếp đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục tham mưu, triển khai hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện kê khai phiếu điều tra cơ sở hành chính sự nghiệp năm 2026.

6.2. Công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Tham mưu một số nội dung về công tác cán bộ trình Đảng ủy UBND tỉnh. Triển khai thực hiện công tác tiền lương, chuyển ngạch, thay đổi chức danh nghề nghiệp, chuyển chuyển, đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định. Phối hợp với các cơ sở đào tạo mở các lớp bồi dưỡng năm 2026 theo kế hoạch. Tham mưu về giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành

chính; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập (*sau khi Trung ương giao biên chế cho tỉnh*). Tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác thực hiện các chế độ, chính sách, công tác quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh, UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh để phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp.

6.3. Công tác xây dựng chính quyền, địa giới hành chính

- Tiếp tục hướng dẫn, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ.

- Triển khai rà soát, phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Triển khai sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền.

- Xây dựng Nghị quyết Quy định chức danh, mức phụ cấp, mức hỗ trợ, việc kiêm nhiệm chức danh, phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố (*thay thế Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và Nghị quyết số 79/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 của UBND tỉnh Kon Tum (cũ)*).

- Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Tiếp tục tham mưu công tác quản lý địa giới hành chính, người hoạt động không chuyên trách; công tác dân vận chính quyền, quy chế dân chủ cơ sở và công tác nông thôn mới theo quy định.

6.4. Công tác cải cách hành chính

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, chỉ đạo xây dựng, ban hành Kế hoạch CCHC; nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, gắn với đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030 nhằm cụ thể hóa Kế hoạch CCHC nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 05/4/2026 của Tỉnh ủy.

- Chỉ đạo thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch CCHC năm 2026 của tỉnh đảm bảo chất lượng, hiệu quả; đồng thời đánh giá kết quả điểm Chỉ số CCHC năm 2025 của tỉnh khi được Trung ương công bố và đề ra giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, nâng cao hiệu quả công tác CCHC của tỉnh trong năm 2026 và những năm tiếp theo.

- Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát TTHC, thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; đồng thời

nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến những quy định hành chính.

- Tăng cường kiểm tra cải cách hành chính; kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm hướng dẫn, đôn đốc, phát hiện, chấn chỉnh, xử lý những hành vi vi phạm.

5. Hoàn thiện, phê duyệt Đề án “Chỉnh lý tài liệu lưu trữ tồn đọng cấp huyện thuộc 02 tỉnh Kon Tum và Quảng Ngãi (cũ) giai đoạn 2027 - 2032” nhằm xử lý dứt điểm tài liệu tồn đọng của cấp huyện cũ; tạo tiền đề triển khai số hóa đồng bộ, nhằm phát huy giá trị tài liệu, phục vụ quản lý, điều hành và thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, phối hợp với Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai các chương trình, đề án, dự án chỉnh lý, số hóa tài liệu khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Kiến nghị đề xuất

7.1. Kiến nghị, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Kính đề nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Nghị định thay thế Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập cho phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp hiện nay.

7.2. Kiến nghị, đề xuất với các bộ, ngành Trung ương

- Đề nghị các bộ, ngành tiếp tục ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung hướng dẫn về bản mô tả vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành, định mức biên chế đối và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp với từng ngành thuộc thẩm quyền quản lý để địa phương có cơ sở tiếp tục hoàn thiện vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đề nghị các bộ, ngành liên quan sớm ban hành văn bản hướng dẫn nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp cung ứng Dịch vụ công cấp xã theo ngành, lĩnh vực để các địa phương, đơn vị có cơ sở triển khai thực hiện đảm bảo quy định.

IV. Lãnh đạo thực hiện các công trình, dự án trọng điểm; các dự án đầu tư lớn, các nhiệm vụ cần tập trung tháo gỡ

1. Tình hình thực hiện

Trên địa bàn tỉnh có 23 công trình, dự án trọng điểm có tính lan tỏa đến sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, trong đó có 12 dự án đầu tư công (11 dự án đang thực hiện và 01 dự án đã hoàn thành (dự án cầu Trà Khúc 3, nay là cầu Phước Lộc); 11 dự án đầu tư vốn ngoài ngân sách. Trong thời gian qua, Ban Thường vụ Đảng Ủy Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung nguồn lực để ưu tiên đầu tư, đồng thời, tích cực đôn đốc, kiểm tra, giám sát và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án. Đến nay, nhiều dự án

đã có chuyển biến tốt trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, khối lượng thi công và giải ngân vốn đầu tư công, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh (*Cụ thể từng dự án có tại Phụ lục kèm theo*).

2. Khó khăn, vướng mắc

Từ đầu năm 2026 đến nay do vướng mắc về giá đất cụ thể tính tiền bồi thường (*không sử dụng các chứng thư đã thực hiện trong các năm trước*) làm chậm trễ tiến độ thực hiện công tác bồi thường, GPMB của các dự án so với kế hoạch đề ra và tình hình biến động giá xăng dầu tăng cao bất thường từ cuối tháng 02/2026 đến nay làm ảnh hưởng đến chi phí, tiến độ thi công của các dự án hiện nay. Do đó, để đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, GPMB các dự án làm cơ sở để tổ chức bàn giao mặt bằng và đẩy nhanh tiến độ thi công trong giai đoạn thời tiết thuận lợi, UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND các xã, phường và đặc khu tập trung, ưu tiên hoàn thành công tác xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường cho các dự án trong thời gian sớm nhất tại Thông báo số 287/TB-UBND ngày 01/4/2026.

V. Lãnh đạo triển khai thực hiện các nghị quyết chuyên đề của Bộ Chính trị và Kết luận số 203-KL/TW ngày 04/11/2025 của Bộ Chính trị⁽³⁷⁾

1. Công tác lãnh đạo thực hiện các Nghị quyết chuyên đề của Bộ Chính trị

Ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành 09 Nghị quyết chuyên đề, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh đã chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức các hội nghị nghiên cứu, học tập và quán triệt sâu rộng đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Đồng thời, chỉ đạo tập trung cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của 9 Nghị quyết thành các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện sát với tình hình thực tiễn. Nhìn chung, công tác quán triệt và tổ chức thực hiện 9 Nghị quyết của Bộ Chính trị đã được thực hiện nghiêm túc, quyết liệt và có trọng tâm, trọng điểm; việc cụ thể hóa các Nghị quyết của Bộ Chính trị, các Chương trình, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy được các cấp, các ngành triển khai nghiêm túc, đến nay đã đạt được một số kết quả tích cực (*kết quả chi tiết tại các Phụ lục kèm theo*).

2. Công tác lãnh đạo Kết luận số 203-KL/TW ngày 04/11/2025 của Bộ Chính trị⁽³⁸⁾

Thực hiện Kết luận số 203-KL/TW ngày 04/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện ở mức cao nhất mục tiêu tăng trưởng năm 2025, tạo đà vững chắc cho tăng trưởng bền vững ở mức 2 con số trong giai đoạn tới và tổng kết Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Nghị quyết

³⁷ Về tiếp tục tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện ở mức cao nhất mục tiêu tăng trưởng năm 2025, tạo đà vững chắc cho tăng trưởng bền vững ở mức 2 con số trong giai đoạn tới và tổng kết Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

³⁸ Về tiếp tục tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện ở mức cao nhất mục tiêu tăng trưởng năm 2025, tạo đà vững chắc cho tăng trưởng bền vững ở mức 2 con số trong giai đoạn tới và tổng kết Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 27/9/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh đã lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xây dựng và tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 12/11/2026 thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số” giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững giai đoạn đến năm 2045.

Trên cơ sở Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 12/01/2026 và kết quả đã đạt được trong năm 2025, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh đã lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kịch bản tăng trưởng GRDP giai đoạn 2026-2030 với mục tiêu phấn đấu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 10%/năm trở lên; trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5% - 6%/năm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 12% - 13%/năm; khu vực dịch vụ tăng 11% - 12%/năm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 2% - 3%/năm.

Đối với kịch bản tăng trưởng năm 2026, mặc dù bối cảnh hiện tại đang gặp rất nhiều khó khăn nhưng Đảng ủy UBND tỉnh vẫn tiếp tục chỉ đạo UBND tỉnh kiên định mục tiêu tăng trưởng, quyết tâm thực hiện mục tiêu đã đề ra. Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 18/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I và Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh đã lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2026 tỉnh Quảng Ngãi với mục tiêu phấn đấu tổng sản phẩm trên địa bàn năm 2026 đạt khoảng 101.595 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2025, trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản phấn đấu đạt 15.952 tỷ đồng, tăng 4,99%; khu vực công nghiệp và xây dựng phấn đấu đạt 42.341 tỷ đồng, tăng 14,8% (*trong đó công nghiệp đạt 35.591 tỷ đồng, tăng 17,1%*); khu vực dịch vụ phấn đấu đạt 31.015 tỷ đồng, tăng 9,4%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 12.287 tỷ đồng, tăng 3% so với năm 2025.

Về kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện trong năm 2026: Đã được thể hiện tại phần I của Báo cáo.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thời gian qua; phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trong thời gian tới, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh,
- Văn phòng Tỉnh ủy,
- Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Các sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh;
- Lưu Văn phòng Đảng ủy UBND tỉnh.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Phạm Xuân Duệ